

Họ, tên thí sinh: .....

Số báo danh: .....

Mã đề: 356

Cho biết nguyên tử khối của các nguyên tố: H = 1; C = 12; N = 14; O = 16; Na = 23; Mg = 24; Al = 27; P = 31; S = 32; Cl = 35,5; K = 39; Ca = 40; Fe = 56; Cu = 64; Ag = 108; Ba = 137.

**Câu 41:** Ngâm đinh sắt vào 1 trong 4 dung dịch sau: NaCl, FeCl<sub>3</sub>, H<sub>2</sub>SO<sub>4</sub>, Cu(NO<sub>3</sub>)<sub>2</sub>. Hỏi trường hợp nào sẽ xảy ra ăn mòn điện hóa?

- A. NaCl                      B. Cu(NO<sub>3</sub>)<sub>2</sub>.                      C. FeCl<sub>3</sub>.                      D. H<sub>2</sub>SO<sub>4</sub>

**Câu 42:** Để phân biệt dung dịch Na<sub>2</sub>SO<sub>4</sub> với dung dịch NaCl, người ta dùng dung dịch

- A. KNO<sub>3</sub>.                      B. HCl.                      C. BaCl<sub>2</sub>.                      D. NaOH.

**Câu 43:** Đường thốt nốt là loại đường có hương vị thơm ngon đặc biệt, có thể ăn tươi hoặc nấu ăn, và được làm từ hoa của cây thốt nốt. Tên hóa học của loại đường này là đường:

- A. Xenlulozơ                      B. Saccarozơ                      C. Glucozơ                      D. Fructozơ

**Câu 44:** Cho dãy các dung dịch: glucozơ, fructozơ, saccarozơ, etanol, glixerol. Số dung dịch trong dãy phản ứng được với Cu(OH)<sub>2</sub> ở nhiệt độ thường tạo thành dung dịch có màu xanh lam là

- A. 2.                      B. 3.                      C. 4                      D. 5.

**Câu 45:** Kim loại Al **không** phản ứng được với dung dịch

- A. H<sub>2</sub>SO<sub>4</sub> (loãng).                      B. HCl.                      C. H<sub>2</sub>SO<sub>4</sub> (đặc, nguội).                      D. NaOH.

**Câu 46:** Đá khô hay còn gọi là nước đá khô, đá khối, băng khô hay băng khối. Đá khô thường được dùng để bảo quản loại thực phẩm dễ hỏng, bảo quản chế phẩm sinh học, hoặc dùng làm sương mù trong các hiệu ứng đặc biệt... Vậy đá khô là dạng rắn của chất nào sau đây:

- A. O<sub>2</sub>.                      B. H<sub>2</sub>O                      C. N<sub>2</sub>.                      D. CO<sub>2</sub>

**Câu 47:** Lên men hoàn toàn a gam glucozơ, thu được C<sub>2</sub>H<sub>5</sub>OH và CO<sub>2</sub>. Hấp thụ hết CO<sub>2</sub> sinh ra vào dung dịch nước vôi trong dư, thu được 30 gam kết tủa. Giá trị của a là:

- A. 54                      B. 30,6                      C. 61,2                      D. 27,0

**Câu 48:** Oxit kim loại không bị khử bởi khí CO ở nhiệt độ cao là

- A. MgO.                      B. Fe<sub>2</sub>O<sub>3</sub>.                      C. NiO.                      D. CuO.

**Câu 49:** Khí nào sau đây có màu vàng lục:

- A. Cl<sub>2</sub>                      B. H<sub>2</sub>S                      C. SO<sub>2</sub>                      D. NO<sub>2</sub>

**Câu 50:** Chất làm mềm nước có tính cứng toàn phần là:

- A. Na<sub>2</sub>CO<sub>3</sub>.                      B. NaCl.                      C. HCl.                      D. CaCO<sub>3</sub>.

**Câu 51:** Công thức tổng quát của este no, đơn, hở là:

- A. C<sub>n</sub>H<sub>2n</sub>O<sub>2</sub> (n ≥ 1)                      B. C<sub>n</sub>H<sub>2n+2</sub>O<sub>2</sub> (n ≥ 1)                      C. C<sub>n</sub>H<sub>2n</sub>O<sub>2</sub> (n ≥ 2)                      D. C<sub>n</sub>H<sub>2n+2</sub>O<sub>2</sub> (n ≥ 2)

**Câu 52:** Cho 19,4 gam hỗn hợp bột kim loại Zn và Cu vào dung dịch HCl (dư). Sau khi phản ứng xảy ra hoàn toàn, thu được 4,48 lít khí H<sub>2</sub> (đktc) và m gam kim loại không tan. Giá trị của m là

- A. 12,8.                      B. 12,9                      C. 6,6.                      D. 6,4.

**Câu 53:** Sục 0,15 mol khí CO<sub>2</sub> vào 200 ml dung dịch Ba(OH)<sub>2</sub> 1M, sau khi kết thúc phản ứng, thu được m gam kết tủa. Giá trị m là.

- A. 19,70 gam                      B. 29,55 gam                      C. 23,64 gam                      D. 39,40 gam

**Câu 54:** Loại tơ nào sau đây điều chế bằng phản ứng trùng hợp:

- A. Tơ nilon – 6,6                      B. Tơ nitron                      C. Tơ lapsan                      D. Tơ visco

**Câu 55:** Cho các phát biểu sau:

- (a) Nhỏ dung dịch  $I_2$  vào dung dịch hồ tinh bột, thấy dung dịch thu được xuất hiện màu xanh tím
- (b) Thành phần chính của tinh bột là amilopectin.
- (c) Các peptit đều tác dụng với  $Cu(OH)_2$  cho hợp chất có màu tím đặc trưng
- (d) Anilin ( $C_6H_5NH_2$ ) tan tốt trong nước tạo dung dịch có môi trường bazơ.

Trong các phát biểu trên, số phát biểu đúng là

- A. 3.                      B. 4.                      C. 2.                      D. 1.

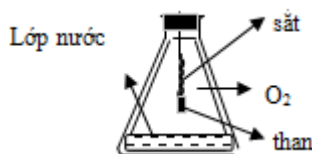
**Câu 56:** Hai chất nào sau đây đều là hiđroxit lưỡng tính?

- A.  $Ca(OH)_2$  và  $Cr(OH)_3$ .                      B.  $Cr(OH)_3$  và  $Al(OH)_3$ .  
C.  $NaOH$  và  $Al(OH)_3$ .                      D.  $Ba(OH)_2$  và  $Fe(OH)_3$ .

**Câu 57:** Để chứng minh Glucozơ có tính oxi hóa cần cho Glucozơ tác dụng với các chất nào sau đây?

- A.  $Cu(OH)_2$  ở  $t^0$  thường    B. Nước  $Br_2$                       C.  $AgNO_3/NH_3$ ,  $t^0$                       D.  $H_2$  (xt Ni,  $t^0$ )

**Câu 58:** Phản ứng của Fe với  $O_2$  như hình vẽ.



Cho các phát biểu sau đây:

- (a) Vai trò của mẩu than để làm môi cung cấp nhiệt cho phản ứng
- (b) Phản ứng tỏa nhiều nhiệt làm đầu dây sắt nóng chảy có thể thành cục tròn.
- (c) Vai trò của lớp nước ở đáy bình là để tránh vỡ bình.
- (d) Phản ứng cháy sáng, có các tia lửa bắn ra từ dây sắt.

Số phát biểu sai là:

- A. 2.                      B. 0.                      C. 1.                      D. 3.

**Câu 59:** Phản ứng nào dưới đây có phương trình ion rút gọn là:  $Ba^{2+} + SO_4^{2-} \rightarrow BaSO_4$

- A.  $Ba(OH)_2 + H_2SO_4 \rightarrow BaSO_4 + 2H_2O$   
B.  $Ba(HCO_3)_2 + 2NaHSO_4 \rightarrow BaSO_4 + Na_2SO_4 + 2H_2O + 2CO_2$   
C.  $Ba(OH)_2 + 2NaHSO_4 \rightarrow BaSO_4 + Na_2SO_4 + 2H_2O$   
D.  $BaCl_2 + Na_2SO_4 \rightarrow BaSO_4 + 2NaCl$

**Câu 60:** Cách nào sau đây không điều chế được  $NaOH$  ?

- A. Cho Na tác dụng với nước  
B. Điện phân dung dịch  $NaCl$  có màng ngăn xốp, điện cực trơ.  
C. Cho dung dịch  $KOH$  tác dụng với dung dịch  $Na_2CO_3$ .  
D. Cho  $Na_2O$  tác dụng với nước.

**Câu 61:** Amin nào không cùng bậc với các amin còn lại:

- A. Đimetylamin                      B. Phenylamin                      C. Metylamin                      D. Propan-2-amin

**Câu 62:** Để phản ứng hoàn toàn với dung dịch chứa 15 gam  $H_2NCH_2COOH$  cần vừa đủ V ml dung dịch  $NaOH$  2M. Giá trị của V là:

- A. 200.                      B. 100.                      C. 50.                      D. 150.

**Câu 63:** Cho kim loại M tác dụng với  $Cl_2$  được muối X; cho kim loại M tác dụng với dung dịch  $HCl$  được muối Y. Nếu cho kim loại M tác dụng với dung dịch muối X ta cũng được muối Y. Kim loại M có thể là:

- A. Mg                      B. Fe                      C. Al                      D. Zn

**Câu 64:** Kim loại Fe phản ứng được với dung dịch nào sau đây tạo thành muối sắt(III)?

- A. Dung dịch  $CuSO_4$ .                      B. Dung dịch  $H_2SO_4$  (loãng).  
C. Dung dịch  $HNO_3$  (loãng, dư).                      D. Dung dịch  $HCl$ .

**Câu 65:** Có bao nhiêu chất trong các chất cho sau đây mà khi nung trong không khí đến khối lượng không đổi thu được rắn mới có khối lượng nhỏ hơn chất rắn ban đầu:  $NaHCO_3$ ,  $NaNO_3$ ,  $NH_4Cl$ ,  $I_2$ ,  $K_2CO_3$ , Fe,  $Fe(OH)_2$  và  $FeS_2$  ?

A. 4.

B. 6.

C. 3.

D. 5.

**Câu 66:** Thực hiện các thí nghiệm sau

- (1) Cho Si vào dung dịch NaOH (dư).
- (2) Điện phân dung dịch NaCl dư bằng điện cực trơ, không màng ngăn xốp.
- (3) Cho khí  $H_2S$  vào dung dịch chứa  $FeCl_3$
- (4) Dẫn luồng khí  $H_2$  qua ống sứ chứa  $CuO$  nung nóng.
- (5) Cho bột Ni vào dung dịch  $FeCl_3$  dư.

Số thí nghiệm thu được đơn chất là.

A. 5

B. 3

C. 2

D. 4

**Câu 67:** Cho hỗn hợp gồm Na, K, Ba và Al vào lượng nước dư, thấy thoát ra V lít khí  $H_2$  (đktc); đồng thời thu được dung dịch X và rắn không tan Y. Sục khí  $CO_2$  dư vào X, thu được 12,48 gam kết tủa. Giá trị của V là

A. 7,168 lít

B. 3,584 lít

C. 7,616 lít

D. 8,960 lít

**Câu 68:** Cho các phát biểu sau:

- (1) Nguyên nhân ngộ độc khi sưởi ấm bằng than trong phòng kín chủ yếu do khí  $CO_2$
- (2) Trong các mặt nạ chống độc người ta thường cho bột than hoạt tính.
- (3) Urê là loại phân đạm tốt nhất có công thức là  $(NH_2)_2CO$ .
- (4) Thuốc nổ đen (người Trung Quốc tìm ra) là hỗn hợp:  $KNO_3 + S + C$
- (5) Tinh thể  $Al_2O_3$  có lẫn tạp chất  $Fe^{2+}$ ,  $Fe^{3+}$  và  $Ti^{4+}$  ta có đá saphia dùng làm đồ trang sức.

Số phát biểu đúng là

A. 6

B. 5.

C. 3.

D. 4.

**Câu 69:** Một hợp chất hữu cơ A có công thức phân tử là  $C_3H_7NO_5$  tác dụng được với cả dung dịch HCl và dung dịch NaOH. Lấy 13,7 gam A cho tác dụng với 400 ml dung dịch NaOH 1M thu được dung dịch X. Cô cạn dung dịch X thu được m gam rắn khan. Giá trị của m là:

A. 22,1.

B. 24,3

C. 20,3.

D. 26,1.

**Câu 70:** Cho các phát biểu sau :

- (1) Khi đun nóng  $NH_2-CH_2-CH_2-COOH$  có xúc tác thích hợp thì thu được hỗn hợp các peptit
- (2) Tristearin có công thức phân tử là  $C_{17}H_{35}COOH$
- (3) Sobitol là hợp chất hữu cơ tạp chức.
- (4) Tơ hóa học gồm tơ nhân tạo và tơ tổng hợp.
- (5) Các chất  $CH_3NH_2$ ,  $C_2H_5OH$ ,  $NaHCO_3$  đều có khả năng phản ứng với  $HCOOH$ .

Số phát biểu đúng là:

A. 3

B. 4

C. 1

D. 2

**Câu 71:** Cho vào 2 ống nghiệm, mỗi ống nghiệm 2 ml etyl axetat, sau đó thêm vào ống thứ nhất 1 ml dung dịch  $H_2SO_4$  20% và ống thứ hai 1 ml dung dịch NaOH 30% dư. Sau đó lắc đều cả 2 ống nghiệm, lắp ống sinh hàn đồng thời đun cách thủy trong khoảng 5 phút. Hiện tượng trong 2 ống nghiệm là:

- A. Chất lỏng trong ống thứ hai trở thành đồng nhất.
- B. Chất lỏng trong ống thứ nhất trở thành đồng nhất.
- C. Chất lỏng trong cả hai ống nghiệm có sự phân tách lớp.
- D. Chất lỏng trong cả hai ống nghiệm trở thành đồng nhất.

**Câu 72:** Đốt cháy hoàn toàn m gam hỗn hợp X gồm: Etilen glicol, andehit fomic, axit axetic, glucozơ và axit lactic ( $CH_3CH(OH)COOH$ ) trong oxi (đktc) thu được 3,36 lít khí  $CO_2$  (đktc) và 2,88 gam nước. % về khối lượng của Etilen glicol trong hỗn hợp X là:

A. 14,56%

B. 15,67%

C. 8,56 %

D. 13,72%

**Câu 73:** Cho chuỗi phản ứng:  $C_2H_6O \rightarrow X \rightarrow Y \xrightarrow{+ CH_3OH} Z$ .

CTCT của X, Z lần lượt là

A.  $C_2H_5OH$ ,  $CH_3COOH$ .B.  $C_2H_5OH$ ,  $CH_3CH_2COOH$ .C.  $CH_3CHO$ ,  $CH_3COOCH_3$ .D.  $CH_3CHO$ ,  $HCOOCH_3$ .

**Câu 74:** Cho 23,8 gam hỗn hợp gồm alanin và axit axetic tác dụng vừa đủ với dung dịch KOH, thu được dung dịch X chứa 35,2 gam muối. Tiếp tục cho X tác dụng với dung dịch HCl dư, thu được dung dịch chứa m gam muối. Giá trị của m là

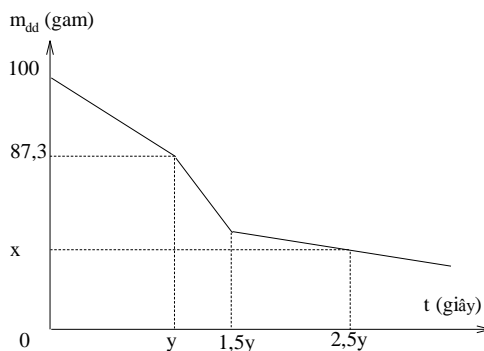
A. 31,10.

B. 46,00.

C. 53,45.

D. 47,45.

**Câu 75:** Điện phân dung dịch **X** gồm  $\text{FeCl}_2$  và  $\text{MgCl}_2$  (có màng ngăn), sự phụ thuộc khối lượng của dung dịch **X** theo thời gian được biểu diễn theo đồ thị sau:



Giá trị **x** là:

A. 77,15.

B. 74,35.

C. 78,95.

D. 72,22.

**Câu 76:** Cho  $m$  gam peptit **X** (mạch hở) phản ứng vừa đủ dung dịch  $\text{NaOH}$  đun nóng, thu được dung dịch **Y** chứa  $(m + 11,1)$  gam hỗn hợp muối natri của Gly, Ala và Val. Cô cạn **Y** được chất rắn **Z**, đem đốt cháy hoàn toàn **Z** thu được 15,9 gam  $\text{Na}_2\text{CO}_3$ . Nếu cho  $m$  gam **X** với dung dịch  $\text{HCl}$  dư, sau phản ứng dung dịch thu được đem cô cạn được 36,25 gam hỗn hợp muối **T**. Cho các phát biểu sau:

- (1). **X** là hexapeptit
- (2). Giá trị của  $m = 20,8$  gam
- (3). Phân tử khối của **X** là 416
- (4). Trong **X** chỉ có 1 gốc Ala
- (5). % khối lượng muối clorua của Gly trong **T** là 46,14%

Số phát biểu đúng là:

A. 4

B. 3

C. 2

D. 5

**Câu 77:** Dung dịch **X** gồm 0,015 mol  $\text{Cu}(\text{NO}_3)_2$  và 0,16 mol  $\text{KHSO}_4$ . Khối lượng  $\text{Fe}$  tối đa phản ứng được với dung dịch **X** là (biết  $\text{NO}$  là sản phẩm khử duy nhất của  $\text{NO}_3^-$ )

A. 3,36 gam.

B. 4,48 gam.

C. 2,99 gam.

D. 8,96 gam.

**Câu 78:** Cho hỗn hợp **E** chứa 3 este **X, Y, Z** ( $M_X < M_Y < M_Z < 146$ ) đều mạch hở và không phân nhánh. Đun nóng 36,24 gam **E** cần dùng 500ml dung dịch  $\text{NaOH}$  1M, dung dịch sau phản ứng đem cô cạn thu được hỗn hợp gồm 2 ancol đều no, thuộc cùng một dãy đồng đẳng, kế tiếp và phân rắn **F**. Lấy toàn bộ lượng **F** đun với vôi tôi xút thu được 1 khí duy nhất có thể tích 8,96 ở đktc. Đốt cháy hoàn toàn hỗn hợp 2 ancol trên cần dùng 18,816 lít ở đktc khí  $\text{O}_2$ . Các phản ứng xảy ra hoàn toàn. Phần trăm khối lượng của **X** trong **E** gần nhất:

A. 60%

B. 70%

C. 50%

D. 40%

**Câu 79:** Cho  $m$  gam hỗn hợp gồm  $\text{Na}$ ,  $\text{Na}_2\text{O}$ ,  $\text{Ba}$ ,  $\text{BaO}$  vào nước dư, thu được dung dịch **X** và 0,672 lít khí  $\text{H}_2$  ở đktc. Chia dung dịch **X** thành 2 phần bằng nhau:

- + Phần 1 cho tác dụng với dung dịch  $\text{CuSO}_4$  dư thu được 8,09 gam kết tủa.
- + Phần 2 hấp thụ hết 1,344 lít  $\text{CO}_2$  thu được 1,97 gam kết tủa.

Giá trị của  $m$  là

A. 7,50 gam

B. 7,66 gam

C. 6,86 gam

D. 7,45 gam

**Câu 80:** Hỗn hợp **A** gồm  $\text{Al}$ ,  $\text{Al}_2\text{O}_3$ ,  $\text{Fe}$ ,  $\text{Fe}_3\text{O}_4$ ,  $\text{Fe}(\text{NO}_3)_2$  (trong đó Oxi chiếm 36,6% về khối lượng). Hòa tan hoàn toàn 27,8 gam hỗn hợp **A** trong 100 gam dung dịch  $\text{H}_2\text{SO}_4$  47,04% thu được dung dịch **B** chỉ chứa muối sunfat trung hòa và hỗn hợp khí **C** gồm 4 khí đều là các sản phẩm khử của  $\text{N}^{+5}$ . Cho dung dịch **B** tác dụng với dung dịch  $\text{NaOH}$  dư thấy có 1,16 mol  $\text{NaOH}$  phản ứng, sau phản ứng thu được 14,35 gam kết tủa và 0,224 lít khí thoát ra ở đktc. Nồng độ % của muối  $\text{Fe}^{3+}$  trong dung dịch **B** gần nhất với kết quả nào sau đây:

A. 8%

B. 14%

C. 10%

D. 15%

----- HẾT -----